

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HSST

Ngày 30- 09- 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hữu Triều;

Bà Vũ Thị Thúy.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Tô Tuấn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 09 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Hữu T1, sinh ngày 26- 03- 1984; Nơi sinh: Huyện T2, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H1, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn H1, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Vũ Hữu S1, họ tên mẹ: Nguyễn Thị T4; họ tên vợ: Nguyễn Thị H2; có 01 con sinh ngày 05- 07- 2020; tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 147 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 02- 07- 2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**Bị hại:** Ông Vũ Văn B1, sinh năm 1952 (Đã chết);

*Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

(1). Cụ Vũ Thị T5, sinh năm 1928- Là mẹ ông B1; Nơi cư trú: Thôn T6, xã T7, huyện T2, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

(2). Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Thôn T6, xã T7, huyện T2, tỉnh Thái Bình- Là vợ ông B1; Có mặt.

(3). Anh Vũ Đình N1, sinh năm 1978- Là con ông B1; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà xxx, Nguyễn Văn C1, phường G1, quận L1, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số nhà xxx, phường H4, quận H4, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

(4). Anh Vũ Văn T8, sinh năm 1980;-Con ông B1; Nơi cư trú: Số nhà xxx, phường H4, quận H4, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ T5, anh N1, anh T8 là bà Nguyễn Thị H3- Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 02- 05- 2020).*

*Người làm chứng:*

(1). Ông Lê Hồng G1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn T9, xã T10, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(2). Ông Bùi Văn M1, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn T9, xã T10, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo có giấy phép lái xe hạng A1; hồi 06 giờ 50 ngày 26- 04- 2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17 xxx đi trên đường 456 theo hướng từ xã T10 đến xã T7 đều thuộc huyện T2, tỉnh Thái Bình. Khi đến đoạn đường Km 10 + 880 thuộc địa phận thôn T9, xã T10 thì xe mô tô do bị cáo điều khiển đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 17K7- 2681 do ông B1 đi ngược chiều và đang sang đường. Hậu quả: Ông B1 bị ngã ngửa, đầu đập xuống mặt đường; đã được đưa đi cấp cứu nhưng đến ngày hôm sau, ông bị chết. Bị cáo cũng bị ngã, hai xe bị đổ. Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có mặt đường rải nhựa phẳng, thẳng, hướng Tây- Đông rộng 11m, có vạch sơn đứt đoạn phân chia thành hai làn đường riêng biệt; hai phía Bắc và Nam có nhà dân; cách 410m về hướng Tây có biển cảnh báo nguy hiểm. Mỗi chiều đường được phân chia thành hai làn đường cho xe thô sơ và xe cơ giới. Hiện trường để lại: 01 vết cày đứt quãng, hướng Tây- Đông số đo 2m x 0,01m ; 02 xe mô tô đổ nghiêng phải, trục sau hai xe mô tô cách nhau 0,7m. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ghi nhận: Xe mô tô biển kiểm soát 17 xxx bị gãy mới bàn để chân sau bên trái. Kết luận giám định pháp y tử thi đối với ông B1: Đa chấn thương vùng đầu và tay do tai nạn giao thông làm vỡ xương sọ vùng chẩm, thân xương bướm, xương đá gây xuất huyết dưới màng cứng, xuất huyết nhu mô não. Nạn nhân chết do chấn thương sọ não.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Các biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; Bệnh án; Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản ảnh tử thi; Kết luận giám định pháp y tử thi; Bản ảnh phương tiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả bị cáo Thương: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO biển kiểm soát 17xxx, 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe; đã trả bà H3: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUPER DREAM biển kiểm soát 17xxx và 01 đăng ký xe mô tô.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hồi 06 giờ 50 ngày 26- 04- 2020, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17xxx đi trên đường 456 hướng từ xã T10 về phía xã T7. Khi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn T9, xã T10 thì bị cáo nhìn thấy một người đàn

ông (sau này bị cáo biết là ông Vũ Văn B1) điều khiển xe mô tô đi ngược chiều với bị cáo, đang sang đường. Do khoảng cách quá gần nên bị cáo không tránh kịp, xe do bị cáo điều khiển đã đâm vào bên trái xe ngược chiều làm hai xe bị đổ; ông B1 bị ngã. Bị cáo chạy đến, thấy ông B1 nằm bất động thì hô hào nhờ mọi người đưa đi cấp cứu nhưng đến ngày 27- 04- 2020, ông B1 chết. Nguyên nhân tai nạn là do khi tham gia giao thông tại khu vực đông dân cư, khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm, bị cáo không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn. Vì thế, khi phát hiện có xe ngược chiều và sang đường, bị cáo đã gây tai nạn giao thông, làm chết người. Gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường nên bị cáo tự nguyện phúng viếng số tiền 13.000.000đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Bà H3 là người đại diện theo ủy quyền của cụ T5, anh N1, anh T8. Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã đền phúng viếng 13.000.000đồng; gia đình bà không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản nào khác; có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bà H3 đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

Người làm chứng là ông G1, ông M1 trình bày: Hồi 07 giờ 10 phút ngày 26- 04- 2020, nghe tiếng động ở ngoài nên ông chạy ra đường, thấy 01 thanh niên đang ngồi cạnh 01 người đàn ông nằm bất tỉnh giữa đường, đầu không đội mũ bảo hiểm, có máu chảy ra từ mồm. Trên đường có hai xe mô tô bị đổ, đầu hai xe đối diện nhau. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có mặt đường phẳng, thẳng, không có chướng ngại vật, mật độ giao thông thưa.

Bản cáo trạng số 74/CT-VKSTT ngày 07- 09- 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14. Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu). Bị cáo phải nộp án phí.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ, xin hưởng án treo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2].Về hành vi của bị cáo:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Ngày 26- 04- 2020, khi tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; đó là nguyên nhân gây tai nạn giao thông, hậu quả ông B1 bị chết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Khi tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; thể hiện: Tại khu vực đông dân cư, khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm nhưng bị cáo đã không giảm tốc độ đến mức để có thể dừng lại một cách an toàn. Vì thế, xe do bị cáo điều khiển đã đâm vào xe đi ngược chiều và sang đường, gây tai nạn giao thông, làm chết người. Hành vi của bị cáo đã vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT; khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ; đã xâm phạm đến an toàn công cộng; là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý, hậu quả làm chết 01 người. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ quy định:

***“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ***

*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:*

*1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm .....*;

*5. Qua khu vực đông dân cư.... .”.*

Luật giao thông đường bộ quy định:

***“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm:***

*1. ....*

*23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.”.*

***“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***

*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Làm chết người;...”.*

**[3].Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có một phần lỗi, gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động, tuy phạm tội với lỗi vô ý nhưng hành vi của bị cáo phải xử lý về hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng. Vụ án xảy ra, bị hại cũng có một phần lỗi: Đi ngược chiều, rẽ sang đường nhưng không có tín hiệu xin đường. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

**[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:** Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả bị cáo 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B1- 690.89 và 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe; đã trả gia đình bị hại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K7- 2681 và 01 đăng ký xe mô tô.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 13.000.000, đồng (Đã bồi thường xong). Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên cần công nhận thỏa thuận này.

**[6]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa, gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Hữu T1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 03 (Ba) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30 tháng 09 năm 2020. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

### **3). Các vấn đề trong thi hành án treo:**

**3.1).** -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

**3.2). Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:**  
Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**4. Về xử lý vật chứng:** Không đặt ra giải quyết.

**5. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng: Điều 42 Bộ luật Hình sự;  
Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Công nhận thỏa thuận: Bị cáo bồi thường 13.000.000, đồng (Mười ba triệu đồng) cho gia đình bị hại. (Đã bồi thường xong).

**6. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

**7. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; đối với người có mặt, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tòng**